

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/2013/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2013

THÔNG TƯ

Quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền kiểm tra, cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (sau đây viết tắt là Giấy chứng nhận ATTP) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu (sau đây gọi tắt là Cơ sở).

2. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền kiểm tra, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với thực phẩm thủy sản xuất khẩu (sau đây gọi là Chứng thư) vào các thị

trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu yêu cầu lô hàng xuất khẩu được kiểm tra, cấp Chứng thư của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng bao gồm:

- a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản có xuất khẩu;
- b) Thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu có yêu cầu lô hàng xuất khẩu được kiểm tra, cấp Chứng thư của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

2. Đối với các thực phẩm thủy sản xuất khẩu có yêu cầu chứng nhận kiểm dịch theo quy định hiện hành, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận nêu tại Điều 5 Thông tư này thực hiện đồng thời việc kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm (ATTP) và kiểm dịch.

3. Các trường hợp sau đây không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này:

- a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thủy sản chỉ tiêu thụ nội địa;
- b) Thủy sản xuất khẩu không dùng làm thực phẩm;
- c) Thực phẩm thủy sản xuất khẩu vào các thị trường mà Cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu không yêu cầu lô hàng xuất khẩu được kiểm tra, cấp Chứng thư của Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Cơ sở sản xuất thực phẩm thủy sản độc lập*: là Cơ sở có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị để thực hiện hoàn chỉnh quy trình sản xuất riêng biệt từ công đoạn tiếp nhận nguyên liệu cho đến công đoạn bao gói hoàn chỉnh thành phẩm; có đội ngũ cán bộ quản lý chất lượng riêng với ít nhất 03 (ba) nhân viên thực hiện kiểm soát ATTP trong quá trình sản xuất và ít nhất 01 (một) nhân viên hoàn thành khóa đào tạo về quản lý ATTP theo nguyên tắc Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn - HACCP (sau đây gọi là nguyên tắc HACCP) do cơ quan, tổ chức được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao chức năng, nhiệm vụ đào tạo quản lý ATTP theo nguyên tắc HACCP thực hiện.

2. *Lô hàng sản xuất*: là một lượng sản phẩm được sản xuất từ một hay nhiều lô nguyên liệu có cùng nguồn gốc xuất xứ, theo cùng một quy trình công nghệ, cùng điều kiện sản xuất (có cùng các yếu tố tác động đến điều kiện bảo đảm ATTP) trong thời gian không quá 24 giờ tại một Cơ sở.

3. *Lô hàng xuất khẩu*: là lượng hàng được chủ hàng đăng ký kiểm tra, chứng nhận để xuất khẩu một lần cho một nhà nhập khẩu trên một phương tiện vận chuyên.

4. *Nhóm thực phẩm thủy sản tương tự*: là những thực phẩm thủy sản có cùng mức nguy cơ về ATTP, được sản xuất theo quy trình công nghệ cơ bản giống nhau

(có thể khác nhau tại một số công đoạn nhưng không phát sinh các mối nguy đáng kể về ATTP) tại một Cơ sở.

5. *Sản xuất thực phẩm thủy sản*: là việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động khai thác, sơ chế, chế biến, bao gói, bảo quản để tạo ra thực phẩm thủy sản.

6. *Thực phẩm thủy sản*: là sản phẩm thủy sản mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản.

7. *Thực phẩm thủy sản ăn liền*: là sản phẩm thủy sản có thể sử dụng trực tiếp cho người mà không phải xử lý đặc biệt trước khi ăn.

Điều 4. Căn cứ để kiểm tra, thẩm định, chứng nhận

Căn cứ để kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP và Chứng thư cho thực phẩm thủy sản xuất khẩu là các quy định tại Điều 41, 42 Luật ATTP; các quy định, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam và quy định, quy chuẩn kỹ thuật của nước nhập khẩu về ATTP thủy sản.

Điều 5. Cơ quan kiểm tra, chứng nhận

1. Cơ quan kiểm tra, thẩm định, cấp Giấy chứng nhận ATTP: Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản, Cơ quan Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Trung bộ, Cơ quan Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản Nam bộ.

2. Cơ quan kiểm tra, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu: là các đơn vị thuộc Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản được Cơ quan thẩm quyền các nước nhập khẩu thủy sản Việt Nam đánh giá đủ năng lực thực hiện các hoạt động kiểm tra, cấp Chứng thư cho lô hàng thủy sản xuất khẩu.

Điều 6. Yêu cầu đối với kiểm tra viên, trưởng đoàn kiểm tra, thẩm định

1. Đối với kiểm tra viên:

a) Trung thực, khách quan, không có quan hệ về lợi ích kinh tế với tổ chức, cá nhân xuất khẩu lô hàng (sau đây gọi tắt là Chủ hàng) hoặc chủ Cơ sở được kiểm tra, thẩm định;

b) Có chuyên môn phù hợp và đã được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản cấp chứng nhận hoàn thành khóa tập huấn về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản;

c) Đủ sức khỏe để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Đối với trưởng đoàn kiểm tra, thẩm định: đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều này và phải có ít nhất 05 (năm) năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực kiểm tra, được Cục trưởng Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản giao nhiệm vụ trưởng đoàn.

Điều 7. Yêu cầu đối với trang thiết bị, dụng cụ phục vụ kiểm tra, thẩm định hiện trường

1. Chuyên dụng, có dấu hiệu phân biệt với các dụng cụ khác.

2. Trong tình trạng hoạt động và bảo trì tốt; được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định; tình trạng vệ sinh tốt, bảo đảm không là nguồn lây nhiễm.

Điều 8. Yêu cầu đối với phòng kiểm nghiệm

Các phòng kiểm nghiệm tham gia hoạt động phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu về ATTP theo quy định tại Thông tư này phải được Cơ quan có thẩm quyền chỉ định theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 9. Phí và lệ phí

Việc thu lệ phí và phí thẩm xét hồ sơ, thẩm định Cơ sở, kiểm tra, lấy mẫu và kiểm nghiệm các chỉ tiêu ATTP phục vụ kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản theo quy định tại Thông tư này được thực hiện theo các quy định tại Điều 48 Luật ATTP và quy định hiện hành của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương II KIỂM TRA, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ATTP

Điều 10. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP

1. Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP bao gồm:

a) Giấy đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư: Bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu;

c) Báo cáo hiện trạng (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hệ thống bảo đảm ATTP) của Cơ sở theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Danh sách chủ Cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe;

đ) Danh sách chủ Cơ sở và người trực tiếp sản xuất thực phẩm đã được cơ quan chức năng quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP.

2. Đối với các Cơ sở đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP sau khi khắc phục sai lỗi của lần kiểm tra, thẩm định trước đó: hồ sơ bao gồm 01 (một) Báo cáo kết quả khắc phục các sai lỗi theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ sở gửi 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký cho Cơ quan kiểm tra, chứng nhận bằng một trong các hình thức như: Gửi trực tiếp, gửi theo đường bưu điện; fax, thư điện tử hoặc đăng ký trực tuyến (sau đó gửi bản chính).

Điều 11. Xử lý hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận ATTP

1. Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký của Cơ sở, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận phải thẩm xét tính hợp lệ của hồ sơ, hướng dẫn Cơ sở bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

2. Nếu hồ sơ đăng ký hợp lệ, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc, Cơ quan kiểm tra, chứng nhận thông báo cho Cơ sở thời điểm dự kiến tiến hành thẩm định tại Cơ sở nhưng không muộn quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 12. Các hình thức kiểm tra, thẩm định

1. Thẩm định tại Cơ sở để cấp Giấy chứng nhận ATTP: Áp dụng cho các trường hợp sau:

- a) Cơ sở chưa có Giấy chứng nhận ATTP;
- b) Cơ sở bị thu hồi Giấy chứng nhận ATTP;
- c) Cơ sở có Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực ít hơn 6 (sáu) tháng;
- d) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng thay đổi chủ sở hữu hoặc sửa chữa, nâng cấp điều kiện sản xuất dẫn đến việc thay đổi khả năng xuất hiện các mối nguy về ATTP so với ban đầu;
- đ) Cơ sở bổ sung sản phẩm không thuộc nhóm sản phẩm tương tự đã được chứng nhận;
- e) Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP nhưng hoãn kiểm tra định kỳ có thời hạn quá 12 (mười hai) tháng;
- g) Cơ sở đăng ký bổ sung vào Danh sách cơ sở được phép chế biến, xuất khẩu vào thị trường có yêu cầu lập danh sách.

2. Kiểm tra sau cấp Giấy chứng nhận ATTP:

a) Kiểm tra định kỳ: Là hình thức kiểm tra không báo trước nhằm giám sát việc duy trì điều kiện bảo đảm ATTP đối với Cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP theo tần suất như sau: Cơ sở hạng 1 và hạng 2: 01 (một) lần trong 01 (một) năm; Cơ sở hạng 3: 01 (một) lần trong 06 (sáu) tháng; Cơ sở hạng 4: Thời điểm kiểm tra tùy thuộc vào mức độ sai lỗi của Cơ sở được kiểm tra và do Cơ quan kiểm tra, chứng nhận quyết định nhưng không quá 03 (ba) tháng kể từ thời điểm kiểm tra trước đó;

b) Kiểm tra đột xuất: Là hình thức kiểm tra không báo trước, được áp dụng đối với Cơ sở có các dấu hiệu vi phạm về ATTP được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 17, khoản 3 Điều 31 và khoản 2 Điều 36 Thông tư này hoặc khi có khiếu nại của các tổ chức, cá nhân.

Điều 13. Thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định Cơ sở

1. Thủ trưởng Cơ quan kiểm tra, chứng nhận ra quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP của Cơ sở.

2. Quyết định thành lập đoàn kiểm tra, thẩm định bao gồm các nội dung sau:

- a) Căn cứ kiểm tra, thẩm định;
- b) Họ tên, chức danh, đơn vị công tác của các thành viên trong đoàn;